CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam

Ngày 30/09/2025	1,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**23.1%**

DT thuần
Q3/25
0.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.9| -96.5%
YoY: ▼5.04| -86.4%

LN thuần
Q3/25
-3.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.09| -2.6%
YoY: ▼2.46| -251%

LN sau thuế
Q3/25
-3.64
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.19| 5.0%
YoY: ▼2.46| -208%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-295%
YoY: +/-▼ 284%

ROE (TTM)
Q3/25
2.5%
YoY: +/-▼ 0.8%

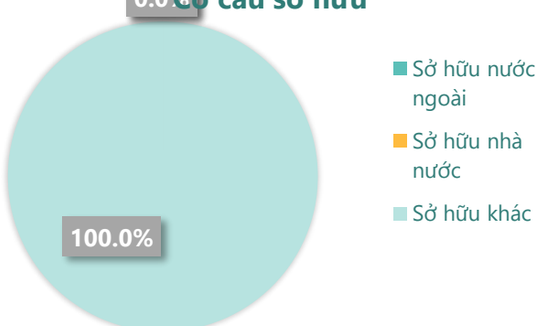
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	1,200 - 2,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	40
Số lượng CPLH (CP)	24,715,958
KLGD BQ 20 phiên (CP)	77,650
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.17)
EPS	257
P/E	6.2

DT thuần
9T 2025
33.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.4| 68.1%

LN thuần
9T 2025
-10.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.81| -213%

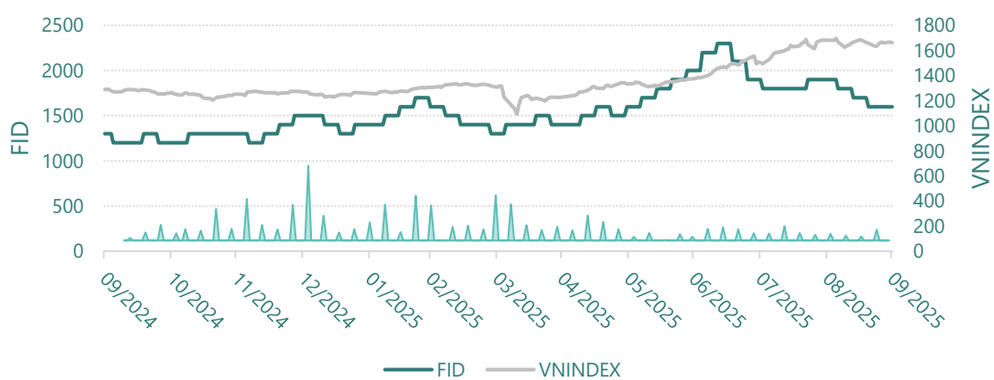
LN sau thuế
9T 2025
-10.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.10| -187%

Cơ cấu sở hữu

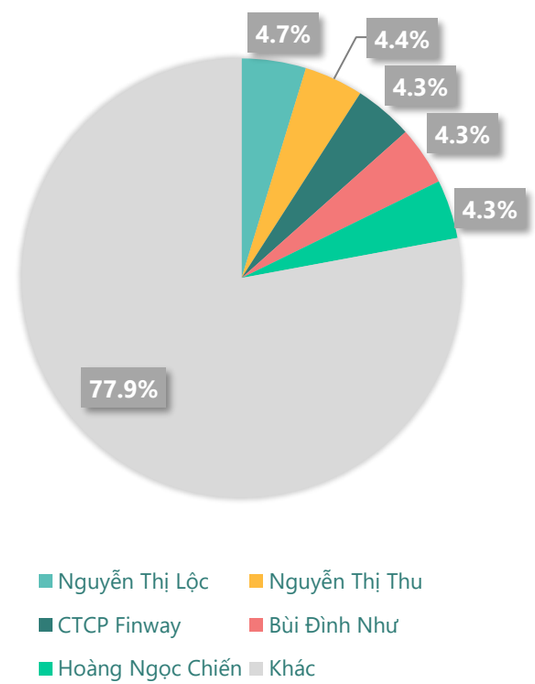


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



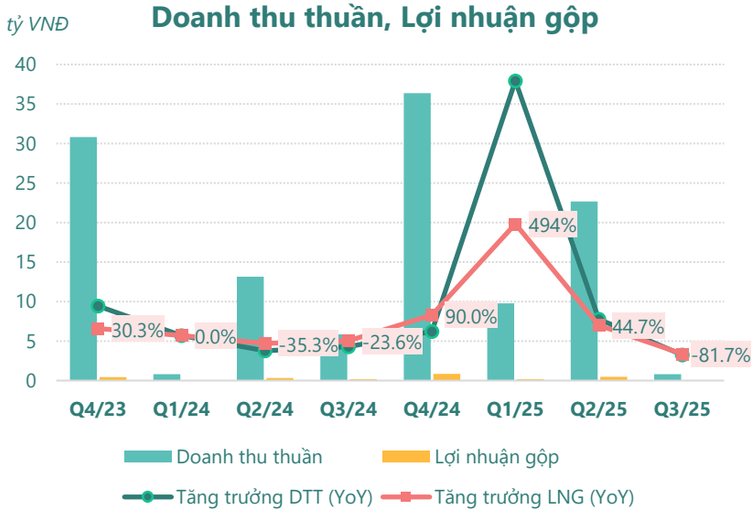
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

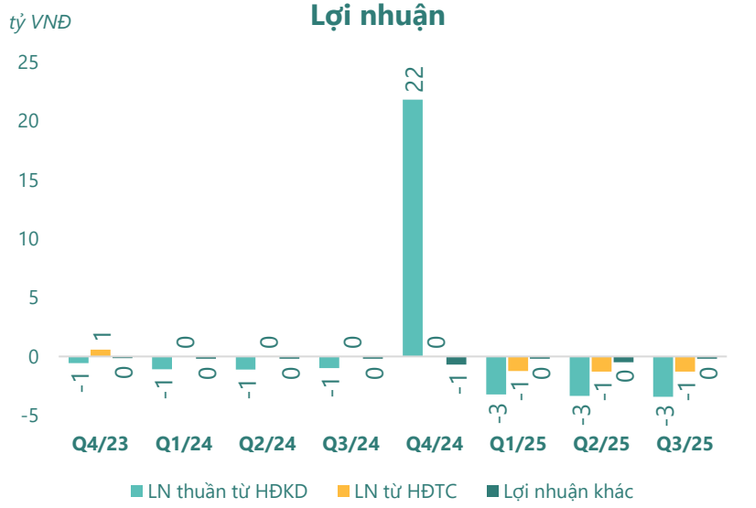
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



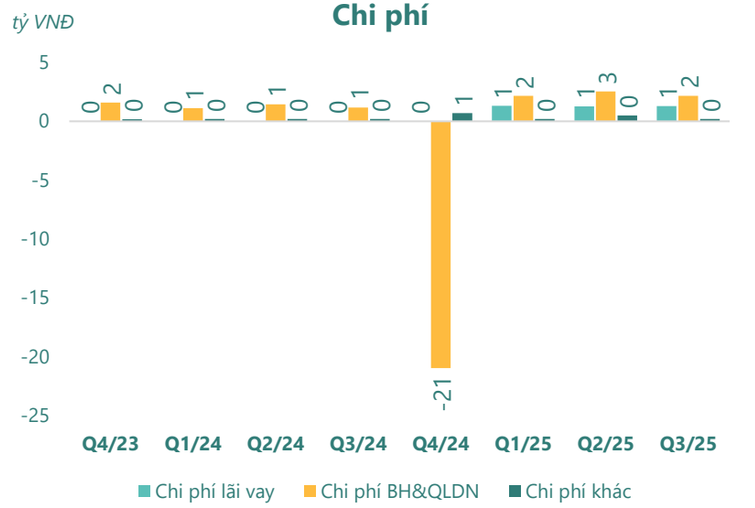
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



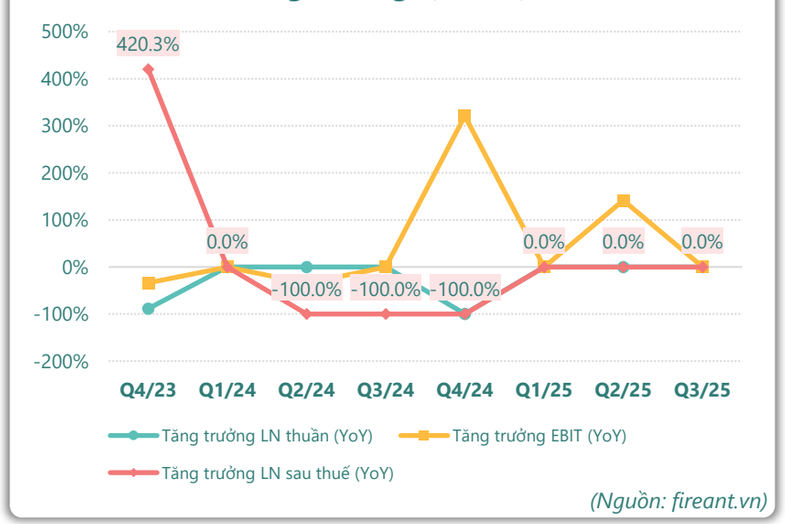
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



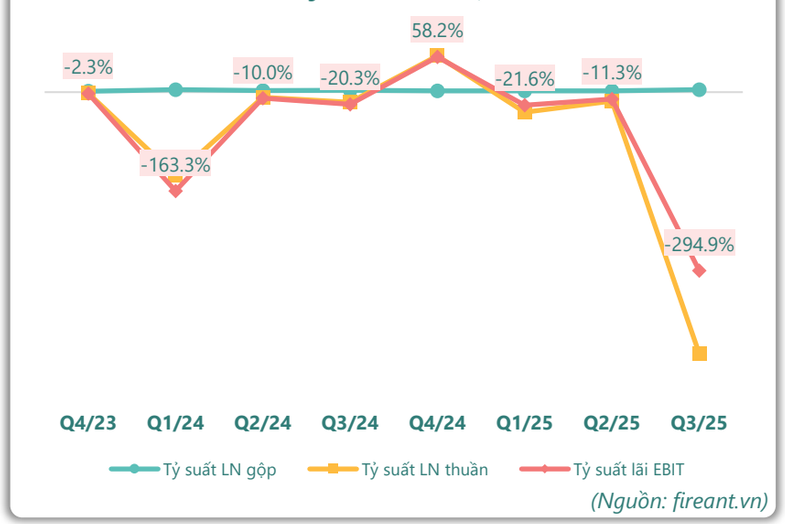
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



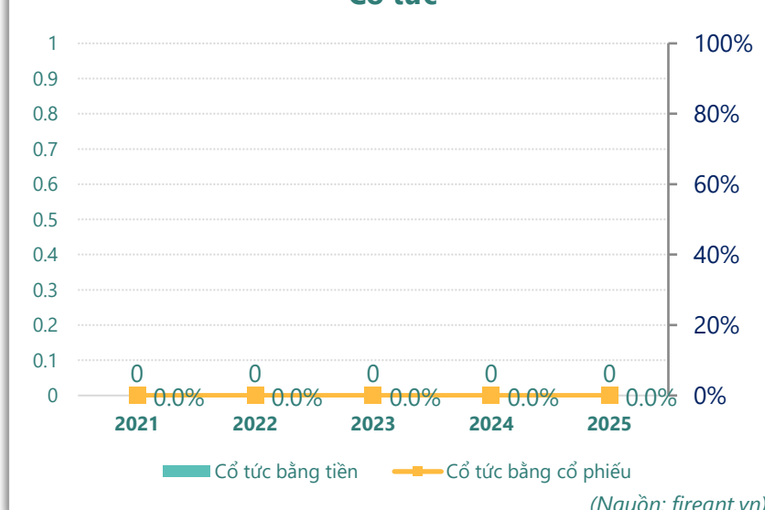
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

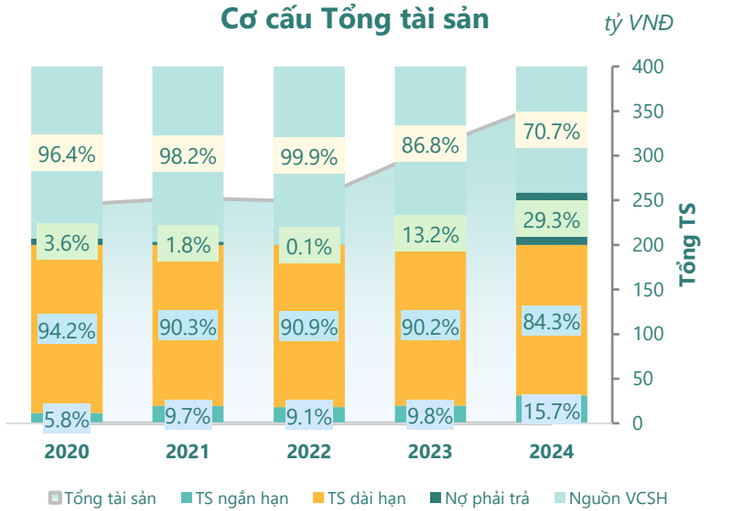
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

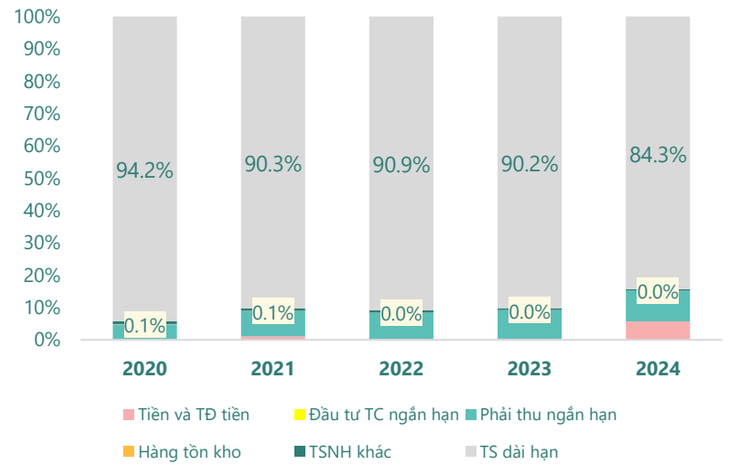
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



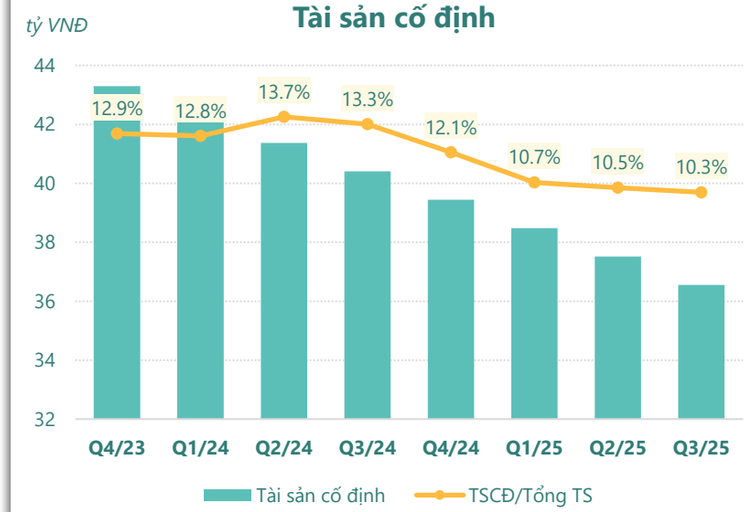
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



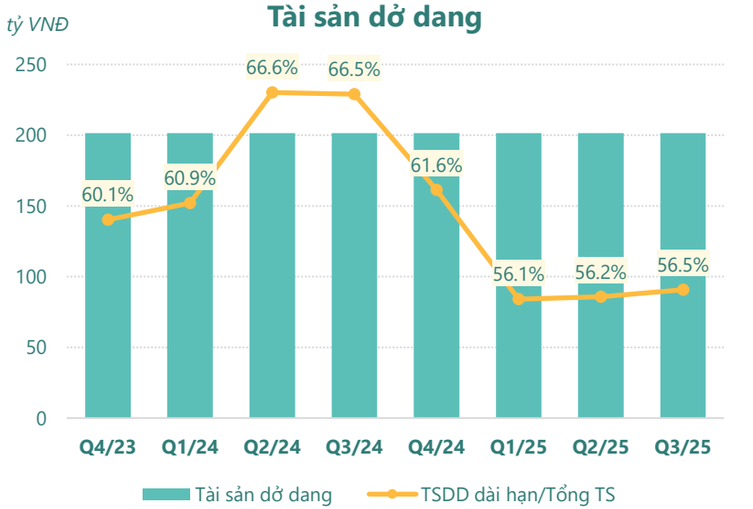
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



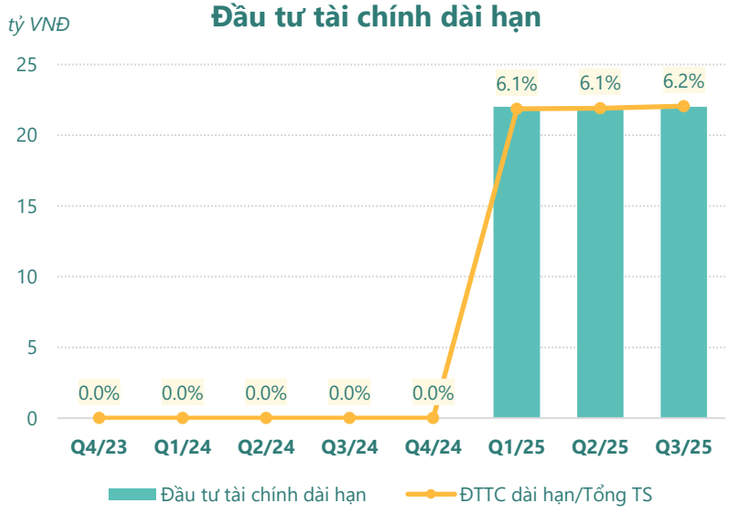
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



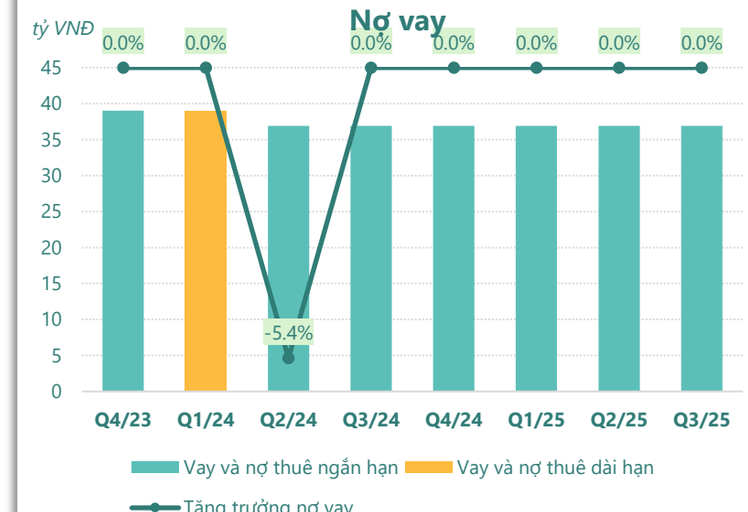
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

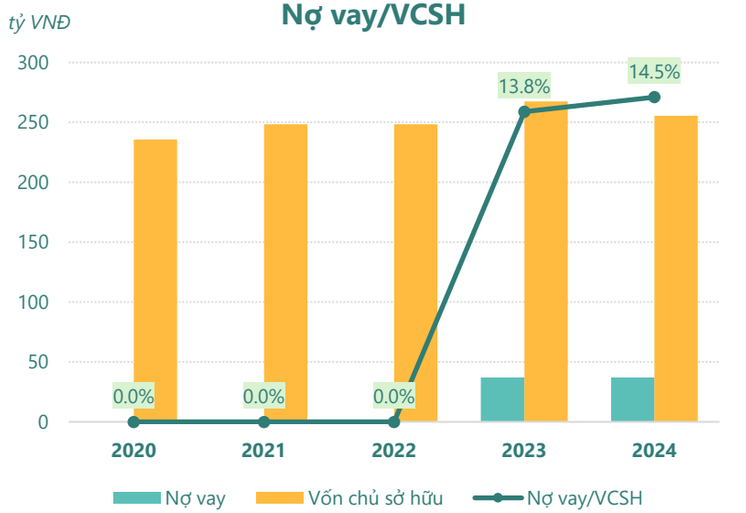
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

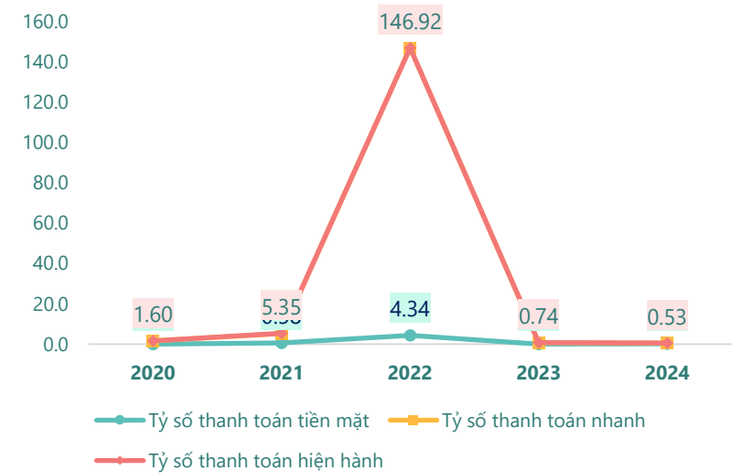
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



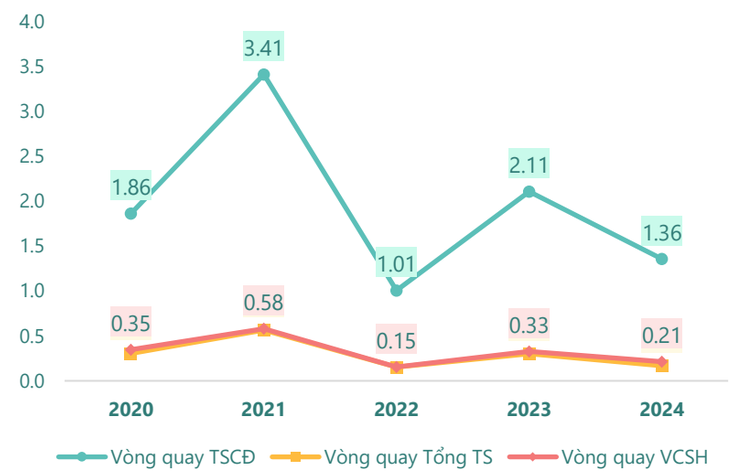
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



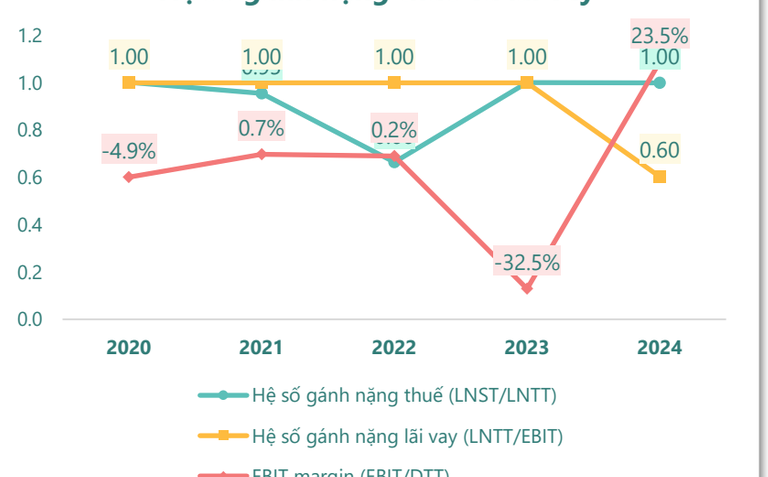
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



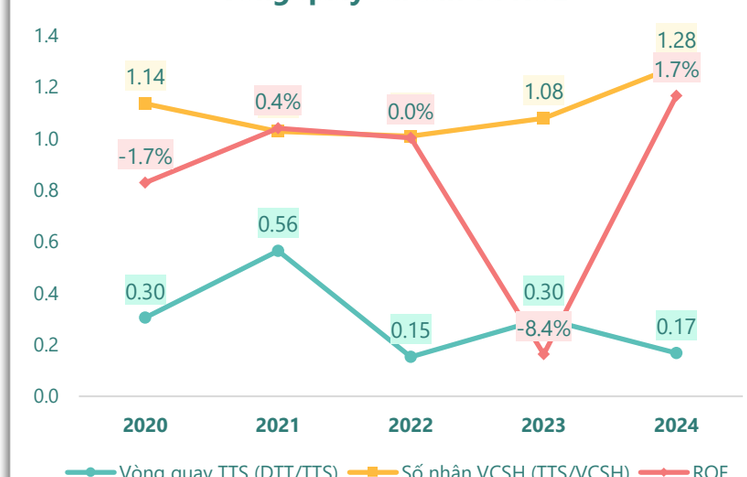
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



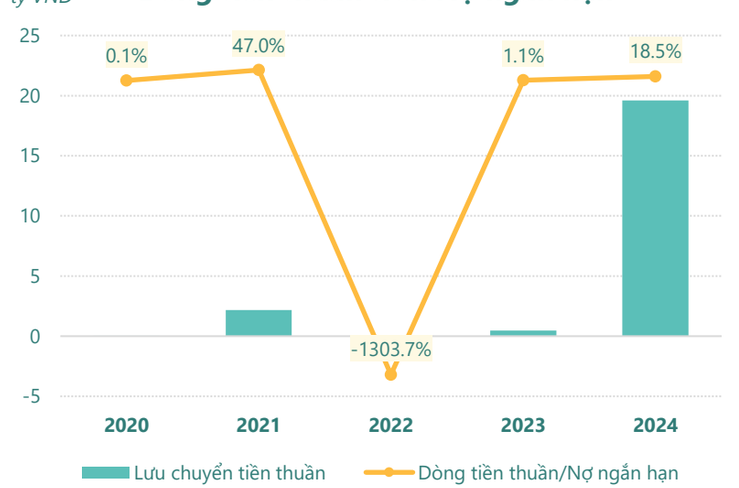
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.80**	**5.84**	**-86.4%**	**33.2**	**19.8**	**68.1%**
Giá vốn hàng bán	0.76	5.66	-86.5%	32.5	19.2	69.2%
Lợi nhuận gộp	0.03	0.18	-81.7%	0.70	0.54	29.8%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.06	0.00	113446%
Chi phí TC	1.29	0.00		3.88	0	
Chi phí lãi vay	1.29	0.00		3.88	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.18**	**1.16**	**87.5%**	**6.88**	**3.73**	**84.4%**
LN thuần từ HĐKD	-3.44	-0.98	-251%	-10.0	-3.19	-213%
Lợi nhuận khác	**-0.20**	**-0.20**	**-1.3%**	**-0.89**	**-0.61**	**-47.2%**
LN trước thuế	-3.64	-1.18	-208%	-10.9	-3.80	-187%
Lợi nhuận sau thuế	**-3.64**	**-1.18**	**-208%**	**-10.9**	**-3.80**	**-187%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.29**	**-1.13**	**-191%**	**-9.84**	**-3.64**	**-170%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.02	-0.44	22.2	-0.03	0.63	-0.30
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	-2.00	-19.9	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.98	0.96	0.52	20.7	0.78	1.41
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.02**	**-0.44**	**20.2**	**-20.0**	**0.63**	**-0.30**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.96	0.52	20.7	0.78	1.41	1.11

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**356**	**361**	**-1.4%**
Tài sản ngắn hạn	38.3	56.6	-32.3%
Tiền và tương đương tiền	1.11	20.7	-94.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	35.6	34.1	4.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	1.57	1.69	-7.3%
Tài sản dài hạn	**318**	**305**	**4.3%**
Phải thu dài hạn	0.44	0.44	0.0%
Tài sản cố định	36.6	39.4	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	201	201	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	22.0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.00**	**0.14**	**-99.3%**
Lợi thế thương mại	57.5	63.3	-9.1%
Nợ phải trả	112	106	5.5%
Nợ ngắn hạn	**112**	**106**	**5.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	36.9	36.9	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.02	4.15	45.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**245**	**255**	**-4.3%**
Vốn chủ sở hữu	**245**	**255**	**-4.3%**
Vốn điều lệ	247	247	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)